日暮里校　午前AMクラス／Nippori Campus (Morning class)／Campus Nippori(Clases de la mañana)／Cơ sở Nippori: lớp sáng

＊1月10日（水）から新しいクラスで勉強します。自分のクラス、教室、時間を確認して、直接教室へ行ってください。

You will study in a new class from Wednesday, January 10th. Please check your class, classroom, time and go directly to the classroom.

1月10日(周三)开始重新分班，请确认好自己的班级、教室、上课时间，直接前往教室上课。

1月10日(三)開始重新分班，請確認好自己的班級、教室、上課時間，直接前往教室上課。

1월 10일 (수요일) 부터 새로운 클래스 에서 공부합니다. 본인의 클래스, 교실, 시간을 확인하여 직접 교실로 가주세요.

Từ ngày 10 tháng 1(Thu tu) các em sẽ học ở lớp mới. Các em hãy xác nhận lớp học, phòng học, giờ học của mình và lên thẳng lớp của các em.

A partir de 10 de Enero, miércoles, va a estudiar en nueva clase. Revise su clase, sala y horario y váyase diréctamente a su clase, por favor.

	クラス/班级/Class/Clase/Lớp	教室/Class room/Sala/Phòng học	授業時間/上课时间/Class time/Horario/Giờ học	学生番号／学 号／學號／Student number／Número de estudiante／Số học sinh																			
初級２	N-H	502	9：00～12：20																				

	クラス/班级/Class/Clase/Lớp	教室/Class room/Sala/Phòng học	授業時間/上课时间/Class time/Horario/Giờ học	学生番号／学 号／學號／Student number／Número de estudiante／Số học sinh																			
初中級	N911	402	9：00～12：20	NC240102	NC240104																		

	クラス	教室	授業時間	学生番号																			
中級１	N811	503	9：00～12：20																				
	N812	302	9：00～12：20																				

	クラス	教室	授業時間	学生番号																			
中級２	N711	403	9：00～12：20																				

	クラス	教室	授業時間	学生番号																			
中級３	N611	303	9：00～12：20																				
	N612	202	9：00～12：20																				

	クラス	教室	授業時間	学生番号																			
上級１	N511	203	9：00～12：20																				

	クラス	教室	授業時間	学生番号																			
上級２	N411	501	9：00～12：20	NC240103																			

	クラス	教室	授業時間	学生番号																			
上級３	N311	201	9：00～12：20																				

	クラス	教室	授業時間	学生番号																			
上級５	N111	401	9：00～12：20																				